

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 32/2019/HS-ST

Ngày: 15-5-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Lê Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Trường G, sinh năm: 1960; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp.

Tên gọi khác: T

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Viết C (chết) và bà Trần Thị L (chết). Vợ: Trần Thị L – sinh năm 1970; có 02 con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Lê D, sinh năm: 1986; nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp Q, xã H, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng A (chết) và bà Lê Thị C (chết). Vợ: Nguyễn Thị Kim T – sinh năm 1985; có 02 con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Công ty TNHH MTV T; trụ sở: Khóm T, phường T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Kim T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh N (giấy ủy quyền ngày 01/12/2018) (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lâm Thế T – sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu vực B, phường B, quận R, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Minh Đ – sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Trường G là nhân viên chăm sóc cây cảnh cho Bệnh viện Triều An – Loan Trâm nên được bố trí nhà ở trong khuôn viên bệnh viện để thuận tiện làm việc. Tháng 6/2018 Bệnh viện có ký hợp đồng thi công xây dựng nhà ăn nhân viên với Công ty TNHH MTV T, trong thời gian thi công Công ty T có để vật tư tại công trình nằm trong khuôn viên của bệnh viện và giao cho anh Nguyễn Thanh N là nhân viên công ty trực tiếp quản lý. Do được bố trí chỗ ở trong bệnh viện nên G biết rõ hàng ngày khoảng 17 giờ là anh N và công nhân đều ra về, không có ai ở lại công trình để trông giữ tài sản nên G nảy sinh ý định lấy trộm các cây sắt hộp để đem về sửa chữa căn nhà ở Bến Tre. Trong tháng 9/2018 G đã lén lút lấy trộm của công trình 02 cây sắt hộp dài khoảng 6m rồi đem về cất giấu bên hông nhà (nơi ở của G trong bệnh viện). Đến ngày 11/10/2018 G tiếp tục lấy trộm 11 cây sắt hộp, mỗi cây dài khoảng 6m và 07 cây sắt hộp mỗi cây dài khoảng 3m đem về nhà cất giấu. Chiều ngày 12/10/2018 G đến gặp Nguyễn Lê D là nhân viên giám sát công trình của bệnh viện hỏi D cho gửi nhờ số sắt lấy trộm được của công trình, đồng thời nhờ D kêu xe ba gác để chở số sắt qua nhà D gửi thì D đồng ý và đưa chìa khóa cổng nhà cho G. Do bận công việc nên D không kêu xe ba gác đem cho G nên G tự kêu xe ba gác chở toàn bộ số sắt đã lấy trộm vào ngày 11/10/2018 đến nhà D cất giấu, còn lại 02 cây sắt hộp đã lấy trước đó G vẫn để bên hông nhà. Sáng ngày 13/10/2018 G qua nhà D dùng máy cắt cầm tay cắt 11 cây sắt hộp 6m thành 22 cây mỗi cây 3m, tổng cộng G gửi tại nhà D 29 cây sắt hộp. Đến trưa ngày 13/10/2018 anh N kiểm tra phát hiện số sắt để ở công trình bị mất trộm, G sợ bị phát hiện nên về nhà lấy 01 cây sắt hộp vớt ra hàng rào bệnh viện, còn 01 cây đem giấu ở vườn kiểng sau nhà.

Sau khi phát hiện bị mất trộm, anh N, anh Lâm Thế T và anh Nguyễn Minh Đ là công nhân của công trình tìm xung quanh thì phát hiện trong vườn kiểng sau nhà của G và cặp hàng rào bệnh viện có 02 cây sắt hộp của công trình

nên nghi G lấy trộm. Anh N trình báo Công an xã N xác minh làm rõ sự việc. Qua làm việc G thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Kết luận định giá tài sản số 143/HĐĐG & TTHS ngày 11/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố L kết luận trị giá số sắt G lấy trộm là 6.252.120 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo G không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với Nguyễn Lê D qua làm việc D thừa nhận khi nghe G hỏi gửi nhờ sắt thì biết rõ là tài sản G trộm cắp tại công trình. Do đó hành vi của Nguyễn Lê D đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp tài sản cho người khác phạm tội mà có.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSND.TPVL ngày 01/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo Đỗ Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Lê D về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã nêu quan điểm luận tội: Khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Trường G từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Lê D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV T đã nhận lại số tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm. Xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo G.

Bị cáo Đỗ Trường G và Nguyễn Lê D đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp và chứa chấp tài sản của mình đúng như cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà các bị cáo bị truy tố. Các bị cáo không tham gia tranh luận, trong phần nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo G khai nhận: Bị cáo là nhân viên chăm sóc cây cảnh cho Bệnh viện Triều An – Loan Trâm, lợi dụng Công ty T để vật tư tại công trình thi công nhà ăn của bệnh viện nhưng không có người trông coi nên trong tháng 9/2018 bị cáo đã lén lút lấy trộm 02 cây sắt hộp mỗi cây dài khoảng 6m, ngày 11/10/2018 bị cáo tiếp tục lấy trộm 11 cây sắt hộp mỗi cây khoảng 6m và 07 cây sắt hộp mỗi cây khoảng 3m. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 6.252.120 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chính xác.

Bị cáo D khai nhận: Bị cáo là giám sát xây dựng công trình của Bệnh viện Triều An – Loan Trâm nên có quen biết với bị cáo G. Ngày 12/10/2018 bị cáo G có đến gặp bị cáo để hỏi gửi nhờ sắt ở nhà bị cáo. Bị cáo thấy đặc điểm, kích thước các thanh sắt mà bị cáo G gửi thì biết đó là sắt của Công ty T nhưng do quen biết với bị cáo G nên bị cáo đồng ý cho gửi nhờ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác phải được mọi người tôn trọng, được pháp luật bảo vệ, nếu ai xâm phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Bị cáo là người có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập nhưng chỉ vì lòng tham nhất thời mà phạm tội. Với hành vi phạm tội này, bị cáo cần phải nhận một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại và được bị hại bãi nại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo tuy không hứa hẹn trước nhưng đã chứa chấp tài sản mà mình biết rõ là do người khác phạm tội trộm cắp

mà có. Với hành vi phạm tội này, bị cáo cần phải nhận một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV T đã nhận lại số tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố bị cáo Đỗ Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trường G 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án 15/5/2019.

Giao bị cáo Đỗ Trường G cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê D phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

III. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục ban hành kèm theo;

Buộc bị cáo Đỗ Trường G, Nguyễn Lê D mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo và trại giam;
- Tòa án tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- Công an TPVL;
- VKSND TPVL;
- Chi cục THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Hải Châu